TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 238/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 29 - 5 - 2019
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giữ.

Bà Nguyễn Thị Thu Sương.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 182/2019/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thế V, sinh năm 1979.
Nơi cư trú: Ấp Xuân H, xã Thanh Kh, thành phố ĐN, tỉnh ĐN. (Xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Phạm Xuân B, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: Tổ 17, ấp Bình H, xã Bình L, huyện CP, tỉnh An Giang. (Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/3/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Nguyễn Thế V trình bày: Ông và vợ là bà Phạm Xuân B tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân chung sống với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Bình L. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian

sau này vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường hay cải vả nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đã ly thân từ đầu năm 2007 đến nay. Tình cảm không còn nên ông V xin ly hôn với Bà B. Về con chung: Ông Vình và Bà B chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị Xuân L, sinh ngày 10/10/2002 và Nguyễn Thị Xuân Ng, sinh ngày 01/01/2006, 02 con chung đang ở với Bà B, ly hôn đồng ý giao 02 con chung cho Bà B tiếp tục nuôi, ông V không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết. Ông V có đơn xin vắng mặt tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử.

Bị đơn bà Phạm Xuân B trình bày: Thống nhất với trình bày của ông V về thời gian chung sống, kết hôn và ly thân, vợ chồng không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn. Con chung của vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Xuân L, sinh ngày 10/10/2002 và Nguyễn Thị Xuân Ng, sinh ngày 01/01/2006, đang ở với Bà B, ly hôn yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Bà B có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, ông V, Bà B xin vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Xuân B có hộ khẩu thường trú tại xã Bình L, huyện CP. Ông V khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Ông V và Bà B chung sống với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình L nên được pháp luật công nhận là vợ chồng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn ông bà có cuộc sống hạnh phúc được một thời gian, nhưng thời gian sau xảy ra mâu thuẫn, cải vả nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng đã ly thân đầu năm 2007 đến nay, hiện nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên ông V xin ly hôn với bà B. Quá trình giải quyết vụ án, ông V đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin vắng mặt hòa giải, xét xử, Bà B đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy ông V và bà B đều không có ý định hàn gắn quan hệ vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông V.

- Về con chung: Ông V và bà B chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị Xuân L, sinh ngày 10/10/2002 và Nguyễn Thị Xuân Ng, sinh ngày 01/01/2006 đang ở với Bà B. Sau khi ly hôn, ông V giao 02 con chung cho Bà B tiếp tục nuôi. Xét, từ khi ly thân đến nay cháu Xuân L và Xuân Ng do Bà B chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định, đồng thời Bà B có việc làm và thu nhập ổn định. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của con chung, theo nguyên vọng của con chung muốn ở với Bà B và theo sự thống nhất của ông V và Bà B giao 02 cháu Xuân L và Xuân Ng cho Bà B được tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử chấp nhận giao 02 cháu Xuân L và Xuân Ng cho Bà B được tiếp tục nuôi dưỡng. Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; quyền nuôi con là không cố định. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà B không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Ông V phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẻ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Thế V được ly hôn với bà Phạm Xuân B.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Xuân L, sinh ngày 10/10/2002 và Nguyễn Thị Xuân Ng, sinh ngày 01/01/2006 cho Bà B được trực tiếp nuôi dưỡng. Ông V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà B cùng với các thành viên trong gia đình không được cản trở ông V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Ông Nguyễn Thế V phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001064 ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Cục thi hành án dân sự huyện CP.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAT An Giang;
- THA huyện CP;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện CP;
- UBND xã Bình L;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Ngọc Mỹ